TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2017.
V/v: *" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dương Đăng Chương.
Các Hội thẩm Nhân dân: ông Nguyễn Phan Thành Phong
ông Lê Trọng Minh

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Bá Đức - cán bộ Tòa án Nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Ninh Hải *tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Hòa Bình – Kiểm sát viên.

Vào hồi 7h30' ngày 27 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2016/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2016 về việc: ***"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Yến V - sinh năm: 1989.
Trú tại: thôn G Đ – xã T H – Ninh Hải – Ninh Thuận; có mặt.

- *Bị đơn:* anh Trần Đình T - sinh năm: 1987.
Trú tại: thôn G Đ – xã T H – Ninh Hải – Ninh Thuận; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến V trình bày: Chị và anh Trần Đình T tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và được Ủy ban Nhân dân xã T H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2007. Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Đình Nhật N – sinh ngày 16/5/2008. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Do chị làm công việc kinh doanh phải tiếp xúc với khách hàng thường xuyên, anh T không thông cảm cho chị mà còn xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau rồi anh T đánh đập chị, nhiều lần đe dọa giết chị, chị không chịu được cảnh bạo lực gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, đồng thời yêu cầu

được trực tiếp 01 người nuôi con chung là cháu Trần Đình Nhật N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn là anh Trần Đình T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Yến V tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và được Ủy ban Nhân dân xã T H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2007. Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Đình Nhật N – sinh ngày 16/5/2008. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị V làm ăn thua lỗ, không chăm lo cho gia đình đi làm đến 02 giờ - 03 giờ đêm mới về nhà. Anh có khuyên bảo chị V nhưng chị V không nghe, anh bức xúc nên chửi chị V dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau và hai người đã sống ly thân không còn lo cho nhau nữa. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh không tìm gặp chị V để vợ chồng bàn bạc, tháo gỡ vướng mắc trong hôn nhân. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị V nhưng anh không đồng ý ly hôn chị V. Nếu chị V kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Trần Đình Nhật N cho chị V nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Yến V và anh Trần Đình T được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Đình Nhật N, sinh ngày 16/5/2008. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn xảy ra cãi vã nhau, anh T xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị V, có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân, hiện hai người không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị V và anh T đều khẳng định hiện tình cảm vợ chồng không còn, chị V có yêu cầu xin được ly hôn anh T nhưng anh T không đồng ý. Xét thấy từ khi vợ chồng chị V, anh T sống ly thân, anh T không có biện pháp gì tích cực để tác động chị V nhằm hàn gắn lại tình cảm của vợ chồng. Bản thân anh T khẳng định hiện anh không còn tình cảm với chị V nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị V. Điều này thể hiện anh T chỉ cố tình gây khó khăn cho chị V chứ anh không có thiện chí duy trì cuộc sống chung của vợ chồng.

Ban quản lý thôn nơi vợ chồng cư trú xác nhận chị V, anh T trước đây khi còn sống chung luôn bất đồng xảy ra cãi vã nhau, anh T có đánh đập chị V, vợ chồng không có trách nhiệm quan tâm chăm sóc nhau nữa và hai người hiện đã sống ly thân từ tháng 02/2016.

2. Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế chị V và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh T.

Về con chung: Chị V yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Đình Nhật N – sinh ngày 16/5/2008. Xét thấy chị V có công việc làm và thu nhập ổn định. Cháu N đã trên 07 tuổi hiện đang sống với chị V và có nguyện vọng được sống với mẹ. Anh T cũng đồng ý giao cháu Trần Đình Nhật N cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo

quyền lợi mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho cháu, vì vậy nên giao cháu Trần Đình Nhật N cho chị V có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Chị V và anh T tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và bất đồng quan điểm sống. Anh T xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị V, đánh đập chị V. Anh T cho rằng chị V có quan hệ ngoại tình, không chăm lo cho gia đình. Xét thấy chị V, anh T vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị V xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh T, anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn chị V.

Bởi các lẽ trên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến V đối với anh Trần Đình T. Về con chung giao cháu Trần Đình Nhật N cho chị V nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng luôn tuân theo pháp luật tố tụng.

4. Xét quan điểm của Kiểm sát viên về quan hệ hôn nhân của chị V, anh T cũng như việc giải quyết con chung đều có căn cứ phù hợp điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 điều 24, khoản 8 điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến V đối với bị đơn là anh Trần Đình T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến V được ly hôn với anh Trần Đình T.

- Về con chung: Chị V có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Đình Nhật N – sinh ngày 16/5/2008. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị V cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về án phí: Chị V phải chịu 200.000^{đ} *(hai trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000^{đ} *(hai trăm ngàn*

đồng) theo Biên lai số 0011742 ngày 28/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2017).

Hội thẩm Nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Trọng Minh **Nguyễn Phan Thành Phong** **Dương Đăng Chương**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- THA dân sự huyện Ninh Hải;
- UBND xã Tân Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Đăng Chương